

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG  
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18- 9 - 2020

V/v: Tranh chấp hôn nhân & gia  
đình

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯƠNG DƯƠNG - TỈNH NGHỆ AN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Lam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vi Văn Cẩm;

Bà Phạm Thị Phụng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lương Thị Ái - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tương Dương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa:** Ông Võ Trọng Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An đưa ra xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2020/TLST- HNGĐ ngày 07 tháng 5 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị C Th Th, sinh năm 1980. Có mặt

Địa chỉ: Bản N T, xã T T, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

**2. Bị đơn:** Kh V Kh, sinh năm 1978. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do

Địa chỉ: Bản N T, xã T T, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 02 năm 2020 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị C Th Th trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Kh quen biết, yêu thương nhau và tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn tại UBND xã T T, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An vào ngày 01/5/2000 trên cơ sở tự nguyện không ai bị ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 02 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Kh nghi kỵ chị Th không chung thủy dẫn đến thường xuyên

cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Nay chị Th không còn tình cảm với anh Kh nữa nên có nguyện vọng được ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống chị Th và anh Kh có 02 con chung là cháu Kh T Đ, sinh ngày 22/02/2000 không bị hạn chế hay mất năng lực hành vi dân sự nay đang thực hiện nghĩa vụ quân sự, do đó không yêu cầu Tòa án xem xét việc nuôi dưỡng anh Đ. Cháu thứ hai là Kh T L Đ, sinh ngày 22/02/2004, hiện đang sống cùng chị Th tại bản N T, xã T T, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và không yêu cầu anh Kh thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng. Ý chí nguyện vọng theo lời khai của cháu Đ tại Toà án phù hợp với yêu cầu của nguyên đơn.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã nhiều lần tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ đối với bị đơn là anh Kh V Kh nhưng anh Kh vẫn vắng mặt không có lý do. Kết quả xác minh tại địa phương thì: Anh Kh V Kh có đăng ký kết hôn với chị C Th Th vào ngày 01/5/2000, có hộ khẩu thường trú tại Bản N T, xã T T, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An và có hai con chung như chị Th trình bày. Khi anh Kh đang có mặt tại địa phương cuộc sống của nguyên đơn và bị đơn thường xuyên xảy ra cãi thiếu tôn trọng lẫn nhau. Nay anh Kh đi làm ăn ở đâu nguyên đơn và chính quyền địa phương không biết địa chỉ nhưng thỉnh thoảng anh Kh có mặt tại địa phương và có liên lạc bằng điện thoại với gia đình. Giai đoạn chuẩn bị xét xử Toà án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, chị Th có đơn yêu cầu không tiến hành hoà giải. Kết thúc phiên họp Toà án đã niêm yết công khai kết quả tại nơi cư trú của bị đơn trong thời hạn luật định nhưng vẫn không có ý kiến phản hồi từ anh Kh nên quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và người tham gia tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng, đầy đủ quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, giải quyết vụ án trong hạn luật định. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng. Bị đơn mặc dù đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cụ thể như sau: Quan hệ hôn nhân cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Con chung: Giao cháu Kh T L Đ cho chị C Th Th trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với bị đơn, không xem xét quan hệ tài sản chung, nợ chung.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tổ tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Anh Kh V Kh có hộ khẩu thường trú tại bản N T, xã T T, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Căn cứ Điều 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị C Th Th và bị đơn anh Kh V Kh thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An. Bị đơn được triệu tập hợp lệ lần thứ hai không vì trường hợp bất khả kháng, trở ngại khách quan nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Mặt khác trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Tòa án triệu tập hợp lệ đối với bị đơn mặc dù bị đơn thỉnh thoảng vẫn có mặt tại địa phương do đó có căn cứ khẳng định bị đơn cố tình dấu địa chỉ, nguyên đơn đồng ý xét xử vắng mặt bị đơn nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Kh kết hôn với nhau vào năm 2000 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc và được UBND xã T T, huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An cấp giấy chứng nhận kết hôn tại quyển số 01/2000, số 06/2000 ngày 01/5/2000 vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp nên được thụ lý vụ án theo yêu cầu người khởi kiện và giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Nội dung:

1. Tình trạng hôn nhân: Kết quả xác minh cho thấy, chị Th và anh Kh có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh Kh có hành vi xúc phạm danh dự nhân phẩm chị Th và hai người đã không sống chung với nhau một thời gian dài, điều đó phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân của chị Th và anh Kh đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được vi phạm vào điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, yêu cầu khởi kiện của chị Th là có căn cứ để chấp nhận.

2. Con chung: Chị Th và anh Kh có 02 con chung là cháu Kh T Đ sinh ngày 27/10/2000 hiện nay đã trưởng thành, không bị nhược điểm về thể chất, tâm thần bởi vậy Hội đồng xét xử không xem xét. Cháu Kh T L Đ, sinh ngày 22/02/2004 hiện đang sống cùng chị Th và chị có yêu cầu tiếp tục được nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, không yêu cầu anh Kh cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu này phù hợp với nguyện vọng của cháu Đ, căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

3. Tài sản, nợ chung: Chị Th chưa yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Án phí và quyền kháng cáo: Buộc nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, và Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

*Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn cụ thể như sau:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị C Th Th và anh Kh V Kh được ly hôn.

2. Con chung:

- Giao con chung của nguyên đơn và bị đơn là cháu Kh T L Đ, sinh ngày 22/02/2004 cho chị C Th Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành. Anh Kh có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Kh V Kh.

3. Án phí: Buộc chị C Th Th phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000622 ngày 06/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 18 tháng 9 năm 2020. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại UBND xã nơi cư trú.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND H.Tương Dương;
- UBND xã T T;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.Tương Dương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký)*

**Trần Văn Lam**

